Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-07-30 10:07:02 +07:00

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1306/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chiến lược văn hóa đối ngoại đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ Chính trị về triển khai đường lối đối ngoại Đại hội XIV của Đảng;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 153/NQ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam (sửa đổi, bổ sung một số nội dung bởi Nghị quyết số 155/NQ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ);

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ Chính trị về triển khai đường lối đối ngoại Đại hội XIV của Đảng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại các Tờ trình số 351/TTr-BVHTTDL và số 352/TTr-BVHTTDL ngày 30 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược văn hóa đối ngoại đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Chiến lược) với các nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Văn hóa đối ngoại là bộ phận đặc biệt quan trọng của nền văn hóa quốc gia, thể hiện nguồn lực nội sinh và sức mạnh mềm của quốc gia, có vai trò to lớn trong công cuộc hội nhập quốc tế, củng cố môi trường hòa bình, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, góp phần nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế.

2. Văn hóa đối ngoại Việt Nam được định hình bởi các giá trị hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển bền vững, phản ánh nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng, dựa trên hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam.

3. Phát triển văn hóa đối ngoại là sự nghiệp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước. Trong đó, Nhà nước giữ vai trò chỉ đạo, định hướng, hỗ trợ cơ chế, chính sách, xây dựng thương hiệu, thông điệp quốc gia. Nhân dân là chủ thể sáng tạo, trực tiếp tham gia và thụ hưởng thành tựu. Đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, doanh nhân và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là lực lượng nòng cốt, tiên phong.

4. Phát triển văn hóa đối ngoại dựa trên cơ sở phát triển văn hóa trong nước, gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ xây dựng, phát triển toàn diện văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

5. Phát triển văn hóa đối ngoại gắn liền với các nhiệm vụ đối ngoại của đất nước. Triển khai đồng bộ, toàn diện trên cả kênh đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân, ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng xuyên biên giới để nâng cao hiệu quả và sức lan tỏa của văn hóa đối ngoại.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hóa để quảng bá sâu rộng các giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, trở thành sức mạnh mềm thúc đẩy đất nước phát triển nhanh và bền vững, nâng cao vị thế, uy tín và tầm ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế, đóng góp xứng đáng vào sự đa dạng của nền văn minh nhân loại.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030

Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về văn hóa với các quốc gia, vùng lãnh thổ, các tổ chức, cơ quan văn hóa, các tập đoàn kinh tế, công nghiệp văn hóa trong khu vực và trên thế giới, tạo xung lực phát triển mới cho các lĩnh vực văn hóa, công nghiệp văn hóa, tập trung vào những lĩnh vực thế mạnh (điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, du lịch văn hóa, di sản…).

Chỉ tiêu cụ thể

- Phấn đấu đạt ít nhất 05 giải thưởng quốc tế uy tín trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật (trọng tâm là âm nhạc, điện ảnh, văn học).

- Hình thành và vận hành ổn định 05 Liên hoan nghệ thuật quốc tế mang thương hiệu đặc trưng của các địa phương trọng điểm, trở thành điểm đến văn hóa tiêu biểu của khu vực.

- Có thêm ít nhất 05 di sản/danh hiệu được các tổ chức quốc tế (UNESCO và các tổ chức chuyên ngành khác) công nhận/ghi danh.

- Phấn đấu xây dựng ít nhất 10 điểm đến du lịch văn hóa - di sản thành thương hiệu quốc gia có sức cạnh tranh toàn cầu, có tính nhận diện trên trường quốc tế.

- Thiết lập mới từ 01 đến 03 Trung tâm Văn hóa Việt Nam ở nước ngoài tại các địa bàn chiến lược.

b) Tầm nhìn đến năm 2045

Việt Nam trở thành một trong những trung tâm văn hóa và sáng tạo hàng đầu của khu vực; phát triển bứt phá sức mạnh mềm văn hóa dựa trên nền tảng kinh tế số và xã hội số vững chắc; khẳng định vị thế quốc gia có bề dày văn hiến, năng lực và uy tín trong điều hành, tổ chức các sự kiện khu vực và quốc tế, chủ động tham gia định hình xu thế phát triển văn hóa thế giới trong kỷ nguyên mới.

Chỉ tiêu cụ thể

- Giành thêm ít nhất 15 giải thưởng quốc tế uy tín trong các lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, công nghiệp văn hóa.

- Đăng cai và tổ chức thành công ít nhất 01 sự kiện quy mô toàn cầu (như World EXPO, EXPO chuyên đề, các sự kiện thể thao/văn hóa tầm cỡ thế giới).

- Tiếp tục thành lập các Trung tâm Văn hóa Việt Nam ở nước ngoài tại các địa bàn đối tác chiến lược toàn diện theo yêu cầu đối ngoại của Đảng và Nhà nước thêm ít nhất 05 trung tâm.

- Có thêm 15 di sản, danh hiệu được các tổ chức quốc tế (UNESCO và các tổ chức chuyên ngành khác) công nhận/ghi danh.

- Phấn đấu đưa Việt Nam vào Top 3 khu vực ASEAN và Top 30 thế giới về Chỉ số Sức mạnh mềm (Soft Power Index) của quốc gia.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế, hành lang pháp lý và cơ chế chính sách đột phá về văn hóa đối ngoại

a) Thể chế hóa đầy đủ, đồng bộ và tổ chức hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng về văn hóa đối ngoại. Chủ động ký kết các điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế; tích cực tham gia các cơ chế đa phương và khu vực về văn hóa. Nâng cao năng lực thực thi các cam kết, đặc biệt cam kết về quyền tác giả, quyền liên quan tại các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA) mà Việt Nam là thành viên.

b) Có cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ việc xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ văn hóa "Made in Viet Nam", đặc biệt là sản phẩm, dịch vụ văn hóa số, góp phần chuyển hóa sức mạnh mềm thành giá trị kinh tế thực chất.

c) Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích cho các nhà sáng tạo nội dung quốc tế khai thác các giá trị văn hóa tốt đẹp của Việt Nam.

d) Có cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, thúc đẩy hợp tác công - tư trong hoạt động văn hóa đối ngoại; khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước tham gia các hoạt động quảng bá các giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới; ưu tiên các địa bàn trọng điểm và các địa bàn khó khăn về địa lý, hạn chế về kết nối giao thông quốc tế.

đ) Xây dựng các cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích các tập đoàn, doanh nghiệp tư nhân đăng cai, tài trợ và tổ chức các sự kiện quy mô, đẳng cấp về văn hóa, nghệ thuật quốc tế. Nhà nước đóng vai trò định hướng chiến lược, quản trị thương hiệu quốc gia và bảo trợ uy tín cho các hoạt động tầm cỡ thế giới như Tuần lễ Thiết kế, Liên hoan Sáng tạo quốc tế...

e) Xây dựng và vận hành cơ chế phối hợp liên ngành chặt chẽ, đồng bộ giữa văn hóa đối ngoại, ngoại giao văn hóa và thông tin đối ngoại…; nghiên cứu, xây dựng và nhân rộng các mô hình sự kiện quảng bá tích hợp "Văn hóa - Thương mại - Du lịch - Đầu tư Việt Nam" từ trung ương đến địa phương nhất quán về thông điệp quảng bá quốc gia. Tăng cường vai trò chủ động của địa phương trong việc giới thiệu các thương hiệu, sản phẩm đặc sắc của địa phương.

g) Tăng cường cơ chế bảo hộ bản quyền, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý các thương hiệu, sản phẩm dịch vụ văn hóa trọng điểm của Việt Nam tại thị trường quốc tế.

2. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao làm công tác văn hóa đối ngoại ở trong và ngoài nước

a) Bố trí cán bộ kiêm nhiệm công tác văn hóa tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài phù hợp với yêu cầu công tác và điều kiện từng địa bàn bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, không làm phát sinh thêm tổ chức, đầu mối hoặc tăng thêm biên chế công chức công

tác ở nước ngoài; từng bước triển khai Tham tán văn hóa/Tùy viên văn hóa tại các cơ quan đại diện ngoại giao tại địa bàn các nước đối tác chiến lược, trong đó đến năm 2030, ưu tiên triển khai tại địa bàn các nước đối tác chiến lược toàn diện; đến năm 2045 ưu tiên địa bàn các nước đối tác chiến lược trở lên.

b) Chủ động quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ văn hóa đối ngoại ở trung ương và địa phương am hiểu sâu sắc văn hóa dân tộc, có tri thức về văn hóa thế giới, ưu tiên bồi dưỡng năng lực đàm phán, kiến thức pháp luật quốc tế và sở hữu trí tuệ, các kỹ năng tổ chức sự kiện, kỹ năng truyền thông đa phương tiện, năng lực quản trị văn hóa trên không gian số và làm chủ các công cụ công nghệ hiện đại (AI, Big Data, VR/AR…); chú trọng bố trí đội ngũ cán bộ có năng lực làm việc tại các tổ chức văn hóa quốc tế và khu vực.

c) Quan tâm bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về lịch sử, văn hóa dân tộc và kỹ năng truyền thông, quảng bá cho lực lượng du học sinh, nghiên cứu sinh, người lao động và chuyên gia trước khi ra nước ngoài học tập, làm việc, đồng thời đẩy mạnh giáo dục thẩm mỹ, bồi đắp bản lĩnh chính trị và lòng tự hào văn hóa dân tộc cho thế hệ trẻ nhằm hình thành thế hệ công dân toàn cầu vững vàng trước các thách thức của hội nhập và toàn cầu hóa.

d) Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học về văn hóa, văn hóa đối ngoại, công nghiệp văn hóa và chính sách văn hóa của các quốc gia, nghiên cứu công chúng quốc tế, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; trao đổi, cử nhân lực học tập kinh nghiệm từ các quốc gia có nền công nghiệp sáng tạo hàng đầu; gắn kết đào tạo lý thuyết với thực tiễn điều hành các dự án văn hóa quy mô quốc tế.

đ) Xây dựng các chương trình hỗ trợ trực tiếp, cử các nghệ sỹ, nghệ nhân ra nước ngoài giao lưu, hợp tác quốc tế; cử nghệ sỹ, tài năng trẻ tham gia các cuộc thi quốc tế, giải thưởng, liên hoan văn hóa, nghệ thuật quốc tế uy tín...

e) Thực hiện các cơ chế đặc thù để thu hút và trọng dụng các chuyên gia, trí thức, sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nghệ sĩ có uy tín và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài làm việc trong lĩnh vực văn hóa, văn hóa đối ngoại và hội nhập quốc tế về văn hóa... Phát huy vai trò của các nghệ sĩ, tổ chức văn hóa nghệ thuật Việt Nam, các nhà sáng tạo nội dung, người có ảnh hưởng (KOLs) và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Xây dựng và phát huy danh hiệu "Đại sứ văn hóa Việt Nam" là những cá nhân có năng lực và ảnh hưởng trong việc quảng bá văn hóa Việt Nam ở nước ngoài, có đóng góp xuất sắc, tiêu biểu trong công tác văn hóa đối ngoại.

3. Đổi mới tư duy, nâng tầm hoạt động, đa dạng hóa phương thức quảng bá và truyền thông thương hiệu văn hóa quốc gia trên toàn cầu

a) Đầu tư nâng cao chất lượng, không ngừng sáng tạo, đổi mới nội dung, hình thức các hoạt động văn hóa đối ngoại và ngoại giao văn hóa trong khuôn khổ chuyến thăm và làm việc của Lãnh đạo Cấp cao Đảng, Nhà nước Việt Nam ở nước ngoài và Lãnh đạo Cấp cao nước ngoài đến Việt Nam.

b) Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức Tuần/Ngày Văn hóa Việt Nam tại nước ngoài, tăng cường các chương trình hợp tác, biểu diễn chung với nước sở tại, tăng quy mô khán giả, đẩy mạnh truyền thông đại chúng về sự kiện. Khuyến khích lồng ghép các hoạt động trình diễn, thi đấu và trải nghiệm thực tế các môn thể thao truyền thống, võ thuật dân tộc, trò chơi dân gian mang đậm bản sắc Việt Nam.

c) Tăng cường sự hiện diện của Việt Nam tại các sự kiện văn hóa-nghệ thuật quy mô, uy tín quốc tế: triển lãm quốc tế; liên hoan phim, triển lãm mỹ thuật, hội chợ sách quốc tế có uy tín, lịch sử lâu đời; sự kiện văn hóa chuyên đề và giới thiệu văn hóa Việt Nam, hình ảnh quốc gia tại các sự kiện kinh tế, chính trị quốc tế quan trọng.

d) Đẩy mạnh ngoại giao văn hóa - thể thao thông qua việc đăng cai, chủ động tổ chức và tham gia các giải thi đấu thể thao quốc tế lớn, các đại hội thể thao khu vực và châu lục. Giới thiệu, quảng bá các môn thể thao, nghệ thuật truyền thống đặc sắc của Việt Nam ra thế giới thông qua các chương trình giao lưu, festival, hội chợ, triển lãm. Phát huy vai trò của huấn luyện viên, vận động viên, nghệ sỹ tiêu biểu như những "đại sứ văn hóa - thể thao". Tăng cường liên kết giữa hoạt động văn hóa - thể thao với quảng bá du lịch, thúc đẩy ngoại giao nhân dân và mở rộng hợp tác kinh tế - xã hội bền vững.

đ) Phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông chủ lực trong việc chủ trì, tổ chức các chiến dịch truyền thông quy mô lớn, bài bản trên toàn cầu để kể câu chuyện Việt Nam trong thời kỳ phát triển mới là đất nước hòa bình, ổn định, đổi mới sáng tạo, giàu bản sắc văn hóa, phát triển năng động; phối hợp với các nhà sáng tạo nội dung quốc tế để tiếp cận khán giả trẻ toàn thế giới. Tiến hành quảng bá các biểu tượng, thương hiệu Việt Nam tại các sân bay, nhà ga, các quảng trường trung tâm, không gian công cộng tại thủ đô, các thành phố lớn của các nước. Phát triển ứng dụng di động và nền tảng trực tuyến cung cấp thông tin về văn hóa Việt Nam bằng nhiều ngôn ngữ.

e) Chú trọng xây dựng các đề án, chương trình quảng bá, giới thiệu giá trị độc đáo của bản sắc văn hóa, văn học nghệ thuật của các dân tộc trong cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam tại các liên hoan nghệ thuật, tuần văn hóa quốc tế, thông điệp về một Việt Nam thống nhất, đa dạng, bình đẳng và giàu bản sắc. Đẩy mạnh tổ chức các chương trình trưng bày, triển lãm, giới thiệu di sản văn hóa, hiện vật bảo tàng, di vật, cổ vật và bảo vật quốc gia của Việt Nam tại các bảo tàng, thiết chế văn hóa và không gian trưng bày có uy tín trên thế giới; tăng cường hợp tác trao đổi, cho mượn hiện vật phục vụ triển lãm quốc tế theo quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế.

g) Xây dựng cơ chế liên ngành thúc đẩy các mô hình tiếp cận tích hợp đa phương thức trong phát triển các sản phẩm văn hóa trọng tâm của quốc gia (như áo dài, trang phục truyền thống, ẩm thực đặc trưng và các biểu tượng văn hóa tiêu biểu); kết hợp mạng lưới nhà hàng ẩm thực Việt Nam ở nước ngoài với điện ảnh, văn học, âm nhạc, hội họa và các chiến dịch truyền thông quốc tế, tạo

hiệu ứng cộng hưởng, tăng khả năng nhận diện thương hiệu Việt Nam trên thị trường quốc tế. Xây dựng và định hình thương hiệu, hàng hoá, sản phẩm Việt Nam mang giá trị văn hoá đặc sắc.

h) Tăng cường giới thiệu hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam qua các danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc; đặc biệt tôn vinh tư tưởng Hồ Chí Minh với các giá trị được cộng đồng quốc tế chia sẻ như thúc đẩy hòa bình, bình đẳng giữa các dân tộc, độc lập chủ quyền và hợp tác quốc tế.

i) Thực hiện đề án dịch thuật và xuất bản quy mô lớn các tác phẩm văn học, lịch sử, tư tưởng kinh điển của Việt Nam ra các ngôn ngữ phổ biến. Xây dựng các chuyên san, ấn phẩm khoa học và văn hóa Việt Nam có giá trị học thuật cao bằng tiếng nước ngoài.

k) Tăng cường hợp tác, giao lưu văn hóa giữa các địa phương tại khu vực biên giới với các nước láng giềng, góp phần làm tốt công tác văn hóa đối ngoại, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị.

l) Triển khai các hoạt động văn hóa đối ngoại chào mừng "Ngày Văn hóa Việt Nam 24/11" định kỳ hằng năm.

4. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và phát triển văn hóa số, đẩy mạnh quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài

a) Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu số quốc gia về văn hóa Việt Nam tích hợp với Kho nội dung số đa ngôn ngữ dùng chung (gồm các ấn phẩm điện tử, phim tài liệu, hình ảnh, bài viết, tư liệu triển lãm ảo). Số hóa toàn diện tài nguyên văn hóa và phân quyền khai thác linh hoạt, an toàn, giúp các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, các cơ quan thông tấn báo chí và mạng lưới Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài dễ dàng tiếp cận, khai thác và sử dụng hiệu quả trong các hoạt động đối ngoại.

b) Tăng cường đầu tư xây dựng và phát triển hệ sinh thái truyền thông số đa ngôn ngữ về văn hóa và du lịch Việt Nam; ứng dụng mạnh mẽ, sâu rộng trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) cùng các nền tảng số toàn cầu, các công nghệ hiện đại để đổi mới phương thức quảng bá hình ảnh đất nước, con người, các di sản và điểm đến du lịch tiêu biểu, xây dựng các sản phẩm văn hóa số của Việt Nam có khả năng tiếp cận rộng rãi công chúng quốc tế;

c) Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ cho các nền tảng triển lãm thực tế ảo, hệ thống bảo tàng số và không gian sáng tạo trực tuyến; gắn liền hoạt động đầu tư hạ tầng với chiến lược phát triển nội dung số đa dạng, hấp dẫn, cập nhật thường xuyên và có tính tương tác cao. Đồng thời, chú trọng xây dựng văn hóa người dùng trực tuyến, nâng cao năng lực tiếp cận công nghệ số cho công chúng; bảo đảm tối ưu hóa hiệu quả khai thác, thu hút lưu lượng truy cập lớn và duy trì tính bền vững lâu dài của các nền tảng sau đầu tư.

d) Thực hiện các biện pháp giáo dục, kỹ thuật và pháp lý phù hợp để phát hiện, cảnh báo, hạn chế và xử lý các nội dung văn hóa trên không gian mạng xuyên biên giới có dấu hiệu vi phạm pháp luật Việt Nam, độc hại, phản văn hóa, trái với thuần phong mỹ tục, xâm hại trẻ em, kích động bạo lực, xuyên tạc lịch sử, xâm phạm chủ quyền quốc gia, vi phạm quyền tác giả.

5. Hội tụ tinh hoa văn hóa nhân loại, kiến tạo hệ sinh thái sáng tạo quốc tế tại Việt Nam

a) Xây dựng Việt Nam thành điểm đến của các sự kiện văn hóa quy mô khu vực và toàn cầu. Chủ động đăng cai các liên hoan, lễ hội, giải thưởng âm nhạc và nghệ thuật quốc tế tại Việt Nam. Trọng tâm là phát triển các thương hiệu sự kiện văn hóa, nghệ thuật gắn với mạng lưới Thành phố Sáng tạo của UNESCO, xây dựng Việt Nam thành trung tâm hội tụ các dòng chảy nghệ thuật đương đại, tạo động lực bứt phá cho các ngành công nghiệp văn hóa quốc gia.

b) Phát huy vai trò chủ động của địa phương, đặc biệt là các địa phương có di sản văn hóa, di sản thiên nhiên được UNESCO ghi danh, xây dựng, phát triển thương hiệu văn hóa địa phương gắn liền với các danh hiệu quốc tế như Thành phố sáng tạo, đô thị di sản thế giới, danh nhân văn hóa, các loại hình nghệ thuật truyền thống và các giá trị văn hóa đặc trưng vùng miền, gắn liền với chiến lược quảng bá hình ảnh quốc gia; đầu tư phát triển các sự kiện văn hóa, nghệ thuật, du lịch quy mô khu vực và quốc tế.

c) Tổ chức các chương trình cho phóng viên báo chí quốc tế, người nước ngoài nổi tiếng, các nhà sáng tạo nội dung trẻ đến Việt Nam giao lưu, tìm hiểu, trải nghiệm văn hóa Việt Nam, chia sẻ các giá trị văn hóa thế giới, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm của các nước trong việc ứng dụng công nghệ, sản xuất các sản phẩm văn hóa; đồng thời tạo sân chơi, thu hút các nhà sáng tạo trẻ trong nước và quốc tế thể hiện ý tưởng của mình.

6. Phát huy vai trò cộng đồng người Việt Nam và mạng lưới thiết chế văn hóa Việt Nam ở nước ngoài, cộng đồng quốc tế yêu mến văn hóa Việt Nam trong quảng bá văn hóa Việt Nam

a) Đa dạng hóa các hoạt động hỗ trợ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài giữ gìn và học tập tiếng Việt, phát huy bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Khuyến khích và tạo điều kiện cho kiều bào hướng về quê hương, chủ động tổ chức và tham gia các hoạt động quảng bá văn hóa Việt Nam tại nước sở tại.

b) Nhà nước quan tâm đầu tư để các trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện công tác văn hóa đối ngoại thường xuyên, liên tục tại địa bàn sở tại. Đổi mới hoạt động của các trung tâm này theo hướng hiện đại, đa năng, đóng vai trò là hạt nhân kết nối cộng đồng và lan tỏa các giá trị cốt lõi của văn hóa Việt ra thế giới, xúc tiến du lịch...

c) Phát triển cổng trí thức Việt Nam học đa ngôn ngữ, tăng cường phát triển học liệu số, xây dựng các chương trình đào tạo trực tuyến bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật Việt Nam dành cho người nước ngoài và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; khuyến khích các cơ sở đào tạo trong nước tham gia cung cấp học liệu số mở phục vụ chương trình đào tạo trực tuyến, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy tiếng Việt cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Đầu tư xây dựng mạng lưới các trung tâm nghiên cứu Việt Nam học toàn cầu, cung cấp các gói dịch vụ tri thức chất lượng cao của Việt Nam cho kiều bào và các học giả quốc tế.

d) Tăng cường kết nối cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài với các địa phương trong nước thông qua các hoạt động quảng bá văn hóa, xúc tiến du lịch, thương mại và giao lưu nhân dân; tăng số lượng, tần suất tổ chức các chương trình "Về nguồn", trại hè và cuộc thi tìm hiểu văn hóa cho thanh thiếu niên kiều bào.

đ) Hỗ trợ nhân rộng mô hình khu phố Việt Nam, làng Việt Nam, các mô hình câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật truyền thống, võ thuật, học tiếng Việt, chuỗi hệ sinh thái ẩm thực Việt tiêu chuẩn quốc tế… tại các quốc gia có đông cộng đồng người Việt Nam sinh sống, làm việc.

e) Chủ động kết nối, tập hợp và phát huy hiệu quả đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức gốc Việt ở nước ngoài. Nghiên cứu thí điểm và từng bước hình thành các chi hội, câu lạc bộ văn học nghệ thuật của người Việt Nam ở nước ngoài.

g) Triển khai các chương trình về ngôn ngữ và phong tục Việt Nam dành cho các gia đình đa văn hóa. Lấy giá trị gia đình truyền thống làm nền tảng để lan tỏa tình yêu văn hóa Việt đến bạn bè quốc tế.

h) Nghiên cứu, ban hành các chính sách thông thoáng, hấp dẫn nhằm khuyến khích, phát triển mạng lưới người nước ngoài tham gia quảng bá văn hóa Việt Nam. Thành lập các mạng lưới "Bạn bè của văn hóa Việt Nam" tại các địa bàn trọng điểm. Nghiên cứu biện pháp phù hợp khuyến khích vai trò của khách du lịch quốc tế như những đại sứ truyền thông, tích cực lan tỏa các giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới.

i) Khen thưởng, động viên kịp thời các cá nhân, tổ chức người Việt Nam ở nước ngoài có đóng góp tích cực và hiệu quả trong công tác giữ gìn bản sắc và quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chiến lược được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) theo phân cấp ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bảo đảm nguồn lực hằng năm thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đặt ra tại Chiến lược; lồng ghép hiệu quả trong triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia đã được phê duyệt theo quy định.

3. Đẩy mạnh huy động các nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước; khuyến khích phát huy xã hội hóa trong tổ chức sự kiện và vận hành thiết chế văn hóa theo quy định của pháp luật.

Điều 2. **Tổ chức thực hiện**

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức liên quan triển khai thực hiện Chiến lược; xây dựng kế hoạch hành động cụ thể theo từng giai đoạn.

b) Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa đối ngoại trên toàn quốc.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông, hệ thống thông tin cơ sở triển khai truyền thông quảng bá về văn hóa đối ngoại song hành, hiệu quả với công tác thông tin đối ngoại.

d) Chủ trì đánh giá tình hình thực hiện định kỳ hàng năm (báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm); tổ chức sơ kết vào năm 2028, tổng kết vào năm 2030; kịp thời đề xuất Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung các biện pháp, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế.

đ) Chịu trách nhiệm theo quy định về nội dung, báo cáo và đề xuất, kiến nghị tại các Tờ trình số 351/TTr-BVHTTDL và số 352/TTr-BVHTTDL ngày 30 tháng 6 năm 2026.

2. Bộ Ngoại giao

a) Phối hợp chặt chẽ với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch lồng ghép các hoạt động văn hóa đối ngoại, ngoại giao văn hóa vào chương trình công tác đối ngoại của lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước.

b) Chỉ đạo các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài làm đầu mối triển khai các hoạt động quảng bá văn hóa tại sở tại; quản lý và phát huy vai trò của đội ngũ Tham tán văn hóa, Tùy viên văn hóa tại địa bàn các nước đối tác chiến lược.

c) Gắn kết các hoạt động văn hóa đối ngoại với công tác người Việt Nam ở nước ngoài.

3. Bộ Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quảng bá các sản phẩm dịch vụ, thương hiệu văn hóa Việt Nam trong chương trình quảng bá thương hiệu quốc gia, các chiến dịch xúc tiến thương mại, triển lãm công nghiệp, hội chợ quốc tế và các diễn đàn xúc tiến thương mại ở nước ngoài.

4. Bộ Dân tộc và Tôn giáo

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy quảng bá các giá trị văn hóa đặc sắc của cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam ra thế giới; phát huy nguồn tài nguyên văn hóa gắn với các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo tiến bộ, hợp pháp, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy vai trò của các chức sắc tôn giáo, người có uy tín trong đồng bào các dân tộc tham gia các hoạt động giao lưu văn hóa, nghệ thuật, nhân văn vào các sự kiện quốc tế, bảo đảo yêu cầu chính trị, đối ngoại.

b) Hướng dẫn các tổ chức tôn giáo, người có uy tín trong đồng bào các dân tộc chủ động tham gia và lồng ghép các hoạt động giao lưu văn hóa, nghệ thuật, nhân văn vào các sự kiện quốc tế.

5. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành liên quan bố trí kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình, đề án, dự án thuộc Chiến lược theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

b) Phối hợp nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế, chính sách tài chính, ưu đãi thuế nhằm khuyến khích, thu hút các nguồn lực xã hội hóa, tài trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho các hoạt động văn hóa đối ngoại.

6. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện các quy định pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm thương hiệu văn hóa, nghệ thuật và các biểu tượng văn hóa đặc trưng của Việt Nam tại thị trường nước ngoài.

b) Phối hợp định hướng, chuyển giao và ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ hiện đại trong việc xây dựng hệ sinh thái văn hóa số.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ

a) Tham gia đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực văn hóa đối ngoại, nghiên cứu, tư vấn chính sách, xây dựng cơ sở dữ liệu về văn hóa đối ngoại.

b) Phát triển chương trình giảng dạy, học liệu số về văn hóa, Việt Nam học, tiếng Việt cho người học quốc tế và kiều bào.

8. Các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ để xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể; hoặc lồng ghép các nhiệm vụ văn hóa đối ngoại vào các chương trình công tác, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu.

b) Chủ động bố trí nguồn lực, ngân sách và đẩy mạnh xã hội hóa để tổ chức các hoạt động văn hóa đối ngoại đặc trưng của địa phương/ngành.

c) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về kết quả thực hiện và kế hoạch năm tiếp theo gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước ngày 30 tháng 11 hàng năm để tổng hợp; sơ kết và tổng kết theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

9. Đề nghị Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí

a) Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tuyên truyền về các nội dung thuộc Chiến lược;

b) Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, chương trình đối ngoại bằng nhiều ngôn ngữ; ứng dụng công nghệ số để truyền tải nội dung văn hóa Việt Nam ra thế giới.

c) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong sản xuất và trao đổi sản phẩm truyền thông.

10. Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam và các Hội Văn học nghệ thuật chuyên ngành Trung ương

a) Tổ chức sáng tác, dàn dựng, công bố, giới thiệu các tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao phục vụ đối ngoại; tham gia tuyển chọn, giới thiệu tác phẩm, tác giả, nghệ sĩ tiêu biểu tham dự các giải thưởng, liên hoan, festival nghệ thuật quốc tế uy tín.

b) Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tổ chức trại sáng tác quốc tế, triển lãm, biểu diễn, giao lưu văn học nghệ thuật; là đầu mối kết nối mạng lưới văn nghệ sĩ trong nước với văn nghệ sĩ người Việt Nam ở nước ngoài và bạn bè quốc tế.

c) Tham gia tư vấn, phản biện, giám định xã hội đối với các chương trình, đề án, sản phẩm văn hóa đối ngoại thuộc lĩnh vực văn học, nghệ thuật.

11. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và các tổ chức, cá nhân khác

Theo chức năng, nhiệm vụ chủ động, tích cực tham gia thực hiện Chiến lược; tuyên truyền, giám sát xã hội và huy động nguồn lực hợp pháp cho triển khai các hoạt động văn hóa đối ngoại.

Điều 3. **Điều khoản thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Thị Thanh Trà

Phụ lục

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC VĂN HÓA ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Quyết định số 1306/QĐ-TTg ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả dự kiến	Cấp phê duyệt	Thời gian thực hiện
1. Hoàn thiện thể chế, hành lang pháp lý và cơ chế chính sách đột phá về văn hóa đối ngoại:						
1.1	Ký kết và thực hiện các điều ước, thỏa thuận quốc tế song phương và đa phương về văn hóa.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, các bộ ngành liên quan.	- Danh mục điều ước quốc tế được ký kết. - Danh mục thỏa thuận hợp tác văn hóa được ký kết.	Chính phủ/ Thủ tướng Chính phủ	Thường xuyên
1.2	Tăng cường bảo hộ bản quyền, nhãn hiệu các thương hiệu, sản phẩm dịch vụ văn hóa trọng điểm tại thị trường quốc tế.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công Thương.	- Mạng lưới hỗ trợ pháp lý bảo hộ bản quyền tại nước ngoài. Tài liệu hướng dẫn về bảo hộ nhãn hiệu văn hóa quốc tế.	Bộ trưởng	Thường xuyên
1.3	Nghiên cứu mô hình, sự kiện quảng bá tích hợp "Văn hóa - Thương mại - Du lịch - Đầu tư Việt Nam".	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Bộ Tài chính/Bộ Công Thương	UBND các tỉnh, thành phố, các hiệp hội, hội.	- Mô hình quảng bá tích hợp được vận hành ổn định;	Bộ trưởng	Triển khai từ năm 2027, thường xuyên
2. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao làm công tác văn hóa đối ngoại ở trong và ngoài nước						
2.1	Đào tạo, bồi dưỡng và cử đội ngũ cán bộ có năng lực tham gia vào các tổ chức văn hóa quốc tế, khu vực, công tác tại các cơ quan đại diện.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, UBND các tỉnh, thành phố	- Đề án đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia văn hóa đối ngoại. - Danh sách chuyên gia tham gia các định chế quốc tế về văn hóa.	Bộ trưởng	Tháng 10/2027

2.2	Bố trí cán bộ kiêm nhiệm công tác văn hóa tại cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài, từng bước triển khai Tham tán văn hóa/Tùy viên văn hóa tại địa bàn các nước đối tác chiến lược toàn diện.	Bộ Ngoại giao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính.	Danh sách cán bộ phụ trách công tác văn hóa tại hệ thống cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài.	Bộ trưởng	Thường xuyên (Đạt chỉ tiêu trước năm 2030)
2.3	Tổ chức chương trình hỗ trợ trực tiếp nghệ sĩ, nghệ nhân giao lưu quốc tế; cử tài năng trẻ tham gia giải thưởng, cuộc thi quốc tế uy tín.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Tài chính, Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật.	- Cơ chế hỗ trợ kinh phí cho nghệ sĩ dự thi quốc tế. - Danh sách các nghệ nhân, nghệ sĩ được cử ra nước ngoài.	Bộ trưởng	Thường xuyên
2.4	Xây dựng danh hiệu "Đại sứ văn hóa Việt Nam".	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao.	- Quy chế bổ nhiệm "Đại sứ văn hóa".	Bộ trưởng	Tháng 6/2027
3. Đổi mới tư duy, nâng tầm hoạt động, đa dạng hóa phương thức quảng bá và truyền thông thương hiệu văn hóa quốc gia trên toàn cầu						
3.1	Triển khai đề án dịch thuật, xuất bản quy mô lớn tác phẩm kinh điển; xây dựng chuyên san văn hóa học thuật cao.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hội Nhà văn Việt Nam, các trường đại học, cơ sở giáo dục đào tạo, các nhà xuất bản.	- Danh mục các tác phẩm kinh điển được dịch thuật, xuất bản. - Danh mục các chuyên san văn hóa học thuật cao.	Bộ trưởng	Hoàn thành trước năm 2030
3.2	Đẩy mạnh ngoại giao văn hóa thể thao và truyền thông, quảng bá võ thuật cổ truyền và các môn thể thao đặc sắc dân tộc. Đưa các môn thể thao dân tộc vào hệ thống thi đấu khu vực.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Ngoại giao, các Bộ, ngành, cơ quan liên quan, các cơ quan thông tấn báo chí, liên đoàn thể thao, UBND các tỉnh, thành phố.	Đề án phát triển ngoại giao thể thao. - Đề án đưa các môn thể thao dân tộc vào hệ thống thi đấu khu vực.	Bộ trưởng	Tháng 12/2027
3.3	Triển khai các hoạt động văn hóa đối ngoại chào mừng "Ngày Văn hóa Việt Nam 24/11".	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao	Các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài, các Bộ, ngành, Liên đoàn, Hiệp hội, doanh nghiệp cơ quan thông tấn báo chí, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.	Đề án cụ thể.	Bộ trưởng	Hàng năm
4. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và phát triển văn hóa số, đẩy mạnh quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài						

4.1	Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu số quốc gia về văn hóa Việt Nam tích hợp với Kho nội dung số đa ngôn ngữ dùng chung.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ, các tập đoàn công nghệ, các cơ quan thông tấn báo chí, mạng lưới Cơ quan đại diện.	Hệ thống cơ sở dữ liệu số quốc gia về văn hóa.	Bộ trưởng	Tháng 12/2027
4.2	Triển khai các biện pháp ngăn chặn sản phẩm ngoại lai độc hại; xây dựng "hệ miễn dịch văn hóa" cho thế hệ trẻ.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an	Bộ Giáo dục và Đào tạo, đề nghị Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phối hợp.	- Hệ thống kỹ thuật quét, chặn lọc nội dung độc hại xuyên biên giới. - Chương trình giáo dục thẩm mỹ, bản lĩnh văn hóa học đường. - Các cuộc vận động, phong trào thanh niên.	Bộ trưởng	Thường xuyên
5. Hội tụ tinh hoa văn hóa nhân loại, kiến tạo hệ sinh thái sáng tạo quốc tế tại Việt Nam:						
5.1	Đăng cai, tổ chức và nâng tầm quy mô liên hoan, lễ hội, giải thưởng âm nhạc, nghệ thuật quốc tế tại Việt Nam.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch/UBND các tỉnh, thành phố.	Bộ Ngoại giao, các cơ quan liên quan.	- Kế hoạch đăng cai. Đề án tổ chức.	Bộ trưởng / Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố	Hàng năm/ định kỳ
5.2	Xây dựng, phát huy thương hiệu văn hóa địa phương gắn liền với danh hiệu quốc tế.	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam.	- Đề án phát triển thương hiệu văn hóa từng địa phương. Hồ sơ đệ trình ghi danh các danh hiệu quốc tế mới.	Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố	Thường xuyên
5.3	Tổ chức các chương trình giới thiệu văn hóa Việt Nam cho các đoàn phóng viên báo chí, người nước ngoài nổi tiếng, các nhà sáng tạo nội dung, các chương trình lưu trú dành cho các nhà văn hóa, nghệ sĩ quốc tế, các nhà sáng tạo nội dung trẻ.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, UBND các tỉnh, thành phố liên quan.	- Các chương trình giới thiệu văn hóa. - Không gian lưu trú/trại sáng tác quốc tế tại Việt Nam; - Các tác phẩm, dự án nghệ thuật hợp tác chung giữa nghệ sĩ Việt Nam và thế giới.	Bộ trưởng	Hằng năm
6. Phát huy vai trò cộng đồng người Việt Nam và mạng lưới thiết chế văn hóa Việt Nam ở nước ngoài, cộng đồng quốc tế yêu mến văn hóa Việt Nam trong quảng bá văn hóa Việt Nam						
6.1.	Đầu tư, nâng cấp các Trung tâm Văn hóa Việt Nam ở nước ngoài.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao	- Thiết chế văn hóa được đầu tư nâng cấp; - Thuê/Mua cơ sở vật chất thành lập Trung tâm Văn hóa.	Thực hiện từ Chương trình Mục tiêu Quốc gia	Giai đoạn 2026 - 2030

6.2.	Cải tiến dạy và học tiếng Việt qua xây dựng hệ sinh thái giáo dục số đa nền tảng, học liệu số mở và bồi dưỡng giáo viên.	Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành liên quan.	Nền tảng dạy tiếng Việt trực tuyến; học liệu số mở; đội ngũ giáo viên kiều bào được tập huấn chuyên môn.	Bộ trưởng	Thường xuyên
6.3	Phát triển cổng trí thức Việt Nam học đa ngôn ngữ, xây dựng chương trình đào tạo trực tuyến về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật cho kiều bào và người nước ngoài.	Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Cổng trí thức trực tuyến vận hành tốt; hệ thống học liệu số mở đa ngôn ngữ phục vụ thế hệ trẻ kiều bào.	Bộ trưởng	Tháng 6/2030
6.4	Tăng cường kết nối cộng đồng kiều bào với các địa phương trong nước thông qua hoạt động văn hóa, xúc tiến du lịch, thương mại và giao lưu nhân dân; tăng số lượng, tần suất tổ chức Trại hè, "Về nguồn", cuộc thi tìm hiểu văn hóa.	Bộ Ngoại giao/UBND các tỉnh, thành phố.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công Thương, Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp.	Mạng lưới kết nối kiều bào - địa phương; các sự kiện giao lưu nhân dân, xúc tiến thương mại gắn kết di sản phát triển; các chương trình trại hè thường niên.	Bộ trưởng/Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố	Thường xuyên
6.5	Hỗ trợ nhân rộng mô hình khu phố Việt Nam, làng Việt Nam, các mô hình câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa, võ thuật, học tiếng Việt... tại các quốc gia có đông cộng đồng người Việt Nam sinh sống và làm việc.	Bộ Ngoại giao.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục Đào tạo, Bộ Công Thương, UBND các tỉnh thành phố.	Đề án	Bộ trưởng	Thường xuyên
6.6	Kết nối đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức gốc Việt; nghiên cứu thí điểm hình thành các chi hội, câu lạc bộ văn học nghệ thuật ở nước ngoài; Thành lập mạng lưới "Bạn bè của văn hóa Việt Nam" tại địa bàn trọng điểm.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Bộ Ngoại giao	Bộ Ngoại giao, Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, các hội chuyên ngành Trung ương.	Danh sách văn nghệ sỹ, trí thức gốc Việt ở nước ngoài; Danh sách bạn bè của văn hóa Việt Nam ở nước ngoài.	Bộ trưởng	Giai đoạn 2026 - 2030
6.7	Khen thưởng, động viên kịp thời các cá nhân, tổ chức người Việt Nam ở nước ngoài có đóng góp tích cực và hiệu quả trong gìn giữ và quảng bá văn hóa.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ các cơ quan liên quan.	Quyết định khen thưởng, kỷ niệm chương; danh sách tổ chức, cá nhân kiều bào tiêu biểu được vinh danh hằng năm.	Bộ trưởng	Thường xuyên